

Số: 15/QĐ-TTCNTTTT

An Giang, ngày 11 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Thông báo số 578/TB-STC ngày 04/6/2024 của Sở Tài chính về việc Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (chi tiết biểu số 4 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại trụ sở;
- Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư.



GIÁM ĐỐC

Trần Trường Giang

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông

Chương 427



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu khác			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
3	Thu khác	1,772,871,771	1,772,871,771	
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, thu khác được để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	573,814,398	573,814,398	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Nguồn ngân sách trong nước			
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	508,953,660	508,953,660	
2	Chi hoạt động kinh tế			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3,032,188,295	3,042,823,838	10,635,543
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12,132,848,372	12,132,848,372	
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	42,535,080	42,535,080	
4	Chi khác ngân sách			
4.1	Tài chính và khác			
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	99,972,076	99,972,076	
4.2	Tài chính và khác (Chương trình MTQG XD Nông thôn mới)			
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	52,089,825	52,089,825	
4.3	Tài chính và khác (Chương trình MTQG XD Giảm nghèo bền vững)			
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	82,046,000	82,046,000	